

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1718/QĐ-DHKTNCN ngày 05 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Tên tiếng Anh: Indutrial Management

Mã ngành: 7510601

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa

Thời gian đào tạo: Từ 02 đến 04 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân Quản lý công nghiệp

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu (MT) chung

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp cung cấp một chương trình đào tạo toàn diện cho các cử nhân chuyên ngành Quản lý công nghiệp có những kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp công nghiệp, có phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc tiên tiến.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học Cử nhân tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

MT 1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học, từ đó, có thể vận dụng vào những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.

MT 2: Trang bị các kỹ năng mềm cơ bản và kỹ năng nghề, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức với tinh thần trách nhiệm cao.

MT 3: Hiểu biết về môi trường, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và kiểm tra các hoạt động, đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề trong quản lý hệ thống công nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 2 CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL ¹
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành, có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	2
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	3
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý để phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.	3
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.	3
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	3
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.	3
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.	3
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết; Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.	3
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; Lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.	3
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ.	3
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.	3

¹ Thang trình độ năng lực:

- Kiến thức: 1 - Biết, 2 - Hiểu, 3 - Ứng dụng, 4 - Phân tích, 5 - Đánh giá, 6 - Sáng tạo.
- Kỹ năng: 1 - Bắt chước, 2 - Tự hoàn thành, 3 - Lặp lại kỹ năng một cách chính xác, 4 - Kết hợp được nhiều kỹ năng, 5 - Thuần thục
- Thái độ: 1 - Tiếp nhận, 2 - Phản hồi, 3 - Đánh giá đúng đắn về ý nghĩa và giá trị, 4 - Tự giác, 5 - Phong cách

4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.	3
4.3	Nhận biết, tìm kiếm, phân tích và lựa chọn dự án - ý tưởng kinh doanh, lựa chọn loại hình, phương thức sản xuất, lựa chọn thành viên và vị trí trong chuỗi cung ứng.	3
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình sản xuất và xây dựng mô hình chuỗi cung ứng.	3
4.5	Phân bổ quyền hạn, trách nhiệm trong tổ chức/doanh nghiệp; Triển khai, điều phối nguồn lực và kiểm soát thực hiện dự án – ý tưởng kinh doanh; Vận hành quy trình sản xuất, điều phối nguồn lực và kiểm soát chất lượng; Xây dựng và phát triển hệ thống chuỗi cung ứng của tổ chức/doanh nghiệp.	3
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến.	3

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU – CDR

CDR	Nội dung	MT của CTĐT		
		MT 1	MT 2	MT 3
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành, có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	✓		
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.		✓	
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.		✓	
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP			
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.		✓	
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.		✓	
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.		✓	
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.		✓	
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết; Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.		✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN			

CĐR	Nội dung	MT của CTĐT		
		MT 1	MT 2	MT 3
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; Lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.		✓	
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ.		✓	
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI			
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.		✓	✓
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.		✓	✓
4.3	Nhận biết, tìm kiếm, phân tích và lựa chọn dự án - ý tưởng kinh doanh, lựa chọn loại hình, phương thức sản xuất và lựa chọn thành viên và vị trí trong chuỗi cung ứng.		✓	✓
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án - ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình sản xuất và xây dựng mô hình chuỗi cung ứng.		✓	✓
4.5	Phân bổ quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức/doanh nghiệp; Triển khai, điều phối nguồn lực và kiểm soát thực hiện dự án - ý tưởng kinh doanh; Vận hành quy trình sản xuất, điều phối nguồn lực và kiểm soát chất lượng; Xây dựng và phát triển hệ thống chuỗi cung ứng của tổ chức/doanh nghiệp.		✓	✓
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến.		✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của ngành Quản lý công nghiệp có thể:

- Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp.
- Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.
- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.
- Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.
- Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của ngành Quản lý công nghiệp có thể:

Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sĩ và tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ (TC)		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
- Lý luận chính trị, Pháp luật	13	13	0
- Toán và khoa học tự nhiên	2	2	0
- Khoa học, xã hội và môi trường	4	0	4
- Ngoại ngữ	9	9	0
- Tin học	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	90	85	5
- Cơ sở nhóm ngành và ngành	51	51	0
- Chuyên ngành	25	20	5
- Liên ngành	5	5	0
- Thực tập và Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	9	9	0
Khối kiến thức bổ sung	6	6	
- Nhập môn Internet và Elearning	3		
- Phát triển kỹ năng cá nhân	3		
Tổng	121	112	9

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

1.2.1. Chương trình đào tạo (Dành cho người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương)

- Khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: 121 TC

- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

A. Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiêu quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục bổ sung		6						
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3						K. Điện tử
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3						K. CNCĐ&DT
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						
<i>I</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		<i>27</i>						
3	TXBAS123	Triết học Mác – Lê nin	3	45					
4	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2	30			TXBAS123		
5	TXBAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			TXBAS215		
6	TXBAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	30			TXBAS305		
7	TXBAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			TXBAS217		
8	TXBAS0210	Xác suất và thống kê	2	30					
9	TXENG112	Tiếng Anh 1	3	45					
10	TXENG113	Tiếng Anh 2	3	45			TXENG112		K. Quốc tế
11	TXENG217	Tiếng Anh 3	3	45			TXENG113		
12	TXFIM0301	Tin học trong QLCN	3	15	30				K. KTCN
13	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2	30					K. KHCB&UD
<i>II</i>	<i>Học phần tự chọn đại cương</i> (Trải nghiệm - Kinh tế - Văn hóa - Xã hội): Chọn 2 trong 3 học phần		<i>4</i>						
14.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					
14.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN	2	30					
14.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN	2	30					
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90						
C.1	Khối kiến thức liên ngành, nhóm ngành và cơ sở ngành								
C.1.1	Kiến thức liên ngành		5						
15	TXMEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	30					K. Cơ khí
16	TXELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45					K. Điện
C.1.2	Kiến thức cơ sở nhóm ngành		32						
17	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	30			TXFIM207		K. KHCB&UD
18	TXFIM214	Toán kinh tế	3	45					
19	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	45					
20	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			TXFIM204		
21	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			TXFIM205		
22	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	45					
23	TXFIM331	Marketing căn bản	3	45			TXFIM208		
24	TXFIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			TXBAS0210		
25	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			TXFIM213		
26	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			TXFIM206		K. KTCN

27	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			TXFIM334		K. KTCN
28	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	15		TXFIM204 TXFIM205			
C.1.3	Kiến thức cơ sở ngành		19						
29	TXFIM208	Quản trị học	3	45					
30	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	30			TXFIM206 TXFIM213		
31	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	45			TXFIM208		
32	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	45			TXFIM331		
33	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	45			TXFIM205		
34	TXFIM0381	Thực tập cơ sở ngành QLCN	2	30	TXFIM208		TXFIM0324		
35	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			TXFIM208		
C.2	Khối kiến thức chuyên ngành		25						
I	Học phần bắt buộc		20						K. KTCN
36	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	45			TXFIM0324		
37	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	30			TXFIM208		
38	TXFIM361	Quản lý dự án	4	60			TXFIM489		
39	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	60			TXFIM208		
40	TXFIM0390	Định mức lao động	2	30					
41	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45			TXFIM0324		
42	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	15	TXFIM361				
43	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	15	TXFIM0324				
II	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)		5						
44	Tổ hợp 01								K. KTCN
44.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	30			TXFIM361		
44.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	45			TXFIM361		
45	Tổ hợp 02								K. KTCN
45.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	30			TXFIM331		
45.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	45			TXFIM331		
46	Tổ hợp 03								K. KTCN
46.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	30			TXFIM497		
46.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	45			TXFIM497		
47	Tổ hợp 04								K. KTCN
47.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	30			TXFIM0324		
47.2	TXFIM0484	Dánh giá hệ thống QL chất lượng	3	45			TXFIM364		
III	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
48	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3		TXFIM361				K. KTCN
49	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6		TXFIM4103				
49.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3						
49.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3						

Tổng số tín chỉ CTĐT: 127 TC (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 09 TC; Bổ sung: 06 TC)

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bồi sung
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)	4		
3.1	<i>TXFIM0101</i>	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	2	
3.2	<i>TXFIM0102</i>	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN</i>	2	
3.3	<i>TXFIM0103</i>	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN</i>	2	
Tổng			10	

HỌC KỲ 2:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBAS123	Triết học Mác – Lê nin	3	
2	TXENG112	Tiếng Anh 1	3	
3	TXFIM204	Kinh tế học vĩ mô	3	
4	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2	
Tổng			11	.

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	
2	TXENG113	Tiếng Anh 2	3	
3	TXBAS0210	Xác suất và thống kê	2	
4	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
Tổng			10	

HỌC KỲ 4:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	TXENG217	Tiếng Anh 3	3	
3	TXFIM214	Toán kinh tế	3	
4	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
5	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
Tổng			11	

HỌC KỲ 5:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	
2	TXFIM208	Quản trị học	3	
3	TXBAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
4	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
Tổng			11	

HỌC KỲ 6:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM213	Nguyên lý thống kê	2	
2	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
3	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
4	TXMEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	
Tổng			10	

HỌC KỲ 7:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
2	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
3	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
4	TXBAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
Tổng			11	

HỌC KỲ 8:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
2	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
3	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
4	TXFIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2	
Tổng			12	

HỌC KỲ 9:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
2	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
3	TXFIM0324	Quản lý sản xuất công nghiệp	4	
4	TXFIM323	ĐA quản lý dự án	1	
Tổng			11	

HỌC KỲ 10:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
2	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
3	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất công nghiệp	1	
4	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
5	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
Tổng			11	

HỌC KỲ 11:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
2	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
3	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 tổ hợp học phần)		5	
3.1	Tổ hợp 1			
3.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
3.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
3.2	Tổ hợp 2			
3.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
3.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
3.3	Tổ hợp 3			
3.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
3.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
3.4	Tổ hợp 4			
3.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
3.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3	
Tổng			10	

HỌC KỲ 12:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp(hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.2.2. Chương trình đào tạo (Dành cho người có bằng tốt nghiệp Đại học ngành gần và Cao đẳng ngành đúng/ngành phù hợp)

- Khối lượng kiến thức cốt lõi: 61 TC
- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Đại học ngành gần và Cao đẳng ngành đúng/ngành phù hợp.

A. Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	Khối kiến thức bổ sung		6	
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		3	
3	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
C.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		24	

C.1.1	Kiến thức nhóm ngành	9	
4	TXFIM205 Kinh tế học vĩ mô	3	
5	TXFIM331 Marketing căn bản	3	
6	TXFIM371 Thống kê doanh nghiệp	3	
C.1.2	Kiến thức cơ sở ngành	15	
7	TXFIM208 Quản trị học	3	
8	TXFIM497 Giao tiếp kinh doanh	3	
9	TXFIM489 Quản trị chiến lược	3	
10	TXFIM367 Kinh tế công nghiệp	3	
11	TXFIM362 Quản trị nguồn nhân lực	3	
C.2	Khối kiến thức chuyên ngành	25	
I	Học phần bắt buộc	20	
12	TXFIM364 Quản trị chất lượng	3	
13	TXFIM451 Quản lý công nghệ	2	
14	TXFIM361 Quản lý dự án	4	
15	TXFIM0324 Quản lý sản xuất CN	4	
16	TXFIM0390 Định mức lao động	2	
17	TXFIM363 Quản trị chuỗi cung ứng	3	
18	TXFIM323 Đề án Quản lý dự án	1	
19	TXFIM369 Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
II	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)	5	
20	Tổ hợp 01		
20.1	TXFIM0475 Quản trị theo mục tiêu	2	
20.2	TXFIM0471 Khởi sự kinh doanh	3	
21	Tổ hợp 02		
21.1	TXFIM4101 Quản trị thương mại trong DNCN	2	
21.2	TXFIM0472 Quản trị thương hiệu	3	
22	Tổ hợp 03		
22.1	TXFIM493 Văn hóa kinh doanh	2	
22.2	TXFIM494 Kỹ năng quản trị	3	
23	Tổ hợp 04		
23.1	TXFIM0473 Hệ thống sản xuất Lean	2	
23.2	TXFIM0484 Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3	
III	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	9	
21	TXFIM4103 Thực tập tốt nghiệp	3	
22	TXFIM4104 Đồ án/Khoa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
22.1	TXFIM4108 Cải tiến năng suất	3	
22.2	TXFIM4109 Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng số tín chỉ CTĐT: 67 TC (Bắt buộc: 56 TC; Tự chọn: 05 TC; Bổ sung: 06TC)			

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bổ sung
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
4	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
5	TXFIM208	Quản trị học	3	
Tổng			15	

HỌC KỲ 2:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
2	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
4	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
5	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
Tổng			15	

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
2	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
3	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
4	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
5	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
Tổng			15	

HỌC KỲ 4:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
2	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
3	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
4	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
5	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)		5	
5.1 Tổ hợp 01				
5.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
5.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
5.2 Tổ hợp 02				
5.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
5.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
5.3 Tổ hợp 03				
5.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
5.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
5.4 Tổ hợp 04				
5.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
5.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống QL chất lượng	3	
Tổng			13	

HỌC KỲ 5:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.2.3. Chương trình đào tạo (Dành cho người có bằng tốt nghiệp Đại học ngành xa/Cao đẳng ngành gần)

- Khối lượng kiến thức cốt lõi: 85 TC
- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Đại học ngành xa/Cao đẳng ngành gần.

A. Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	Khối kiến thức bổ sung		6	
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		7	
I	Học phần bắt buộc		3	
3	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
II	Học phần tự chọn đại cương (Trải nghiệm -Kinh tế - Văn hóa - Xã hội): Chọn 2 trong 3 học phần		4	
4.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
4.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	
4.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
C.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		44	
C.1.1	Kiến thức nhóm ngành		27	
5	TXFIM204	Kinh tế học vĩ mô	3	
6	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
7	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
8	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
9	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
11	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
12	TXFIM214	Toán Kinh tế	3	
13	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
14	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
15	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
C.1.2	Kiến thức cơ sở ngành		17	
16	TXFIM208	Quản trị học	3	
17	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
18	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
19	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
20	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
21	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
C.2	Khối kiến thức chuyên ngành		25	
I	Học phần bắt buộc		20	
22	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
23	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
24	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
25	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
26	TXFIM0390	Định mức lao động	2	

27	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
28	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
29	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
II Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)			5	
30 Tổ hợp 01				
30.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
30.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
31 Tổ hợp 02				
31.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
31.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
32 Tổ hợp 03				
32.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
32.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
33 Tổ hợp 04				
33.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
33.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3	
III Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			9	
34	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
35	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
35.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
35.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng số tín chỉ CTĐT: 91 TC (Bắt buộc: 78 TC; Tự chọn: 07 TC; Bổ sung: 06TC)				

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bổ sung
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	
4	TXFIM208	Quản trị học	3	
5	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)		4	
5.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
5.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN	2	
5.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN	2	
Tổng			16	

HỌC KỲ 2:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
2	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	TXFIM214	Toán kinh tế	3	
4	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
5	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
Tổng			14	

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
2	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
4	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
5	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
Tổng			13	

HỌC KỲ 4:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
2	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
3	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
4	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
5	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
Tổng			15	

HỌC KỲ 5:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
2	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
3	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
4	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
5	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
Tổng			12	

HỌC KỲ 6:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
2	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
3	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
4	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)		5	
4.1	Tổ hợp 01			
4.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
4.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
4.2	Tổ hợp 02			
4.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
4.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
4.3	Tổ hợp 03			
4.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
4.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
4.4	Tổ hợp 04			
4.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
4.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống QL chất lượng	3	
Tổng			12	

HỌC KỲ 7:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đề án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.2.4. Chương trình đào tạo (Dành cho người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành xa/Trung cấp ngành gần)

- Khối lượng kiến thức cốt lõi: 92 TC
- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành xa/Trung cấp ngành gần.

A. Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	Khối kiến thức bổ sung		6	
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		7	
<i>I</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		5	
3	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
4	TXBAS0210	Xác suất và thống kê	2	
<i>II</i>	<i>Học phần tự chọn đại cương (Trải nghiệm -Kinh tế - Văn hóa - Xã hội): Chọn 2 trong 3 học phần</i>		4	
5.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
5.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	
5.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
C.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		49	
C.1.1	Kiến thức nhóm ngành		32	
6	TXFIM204	Kinh tế học vĩ mô	3	
7	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
8	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
9	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
10	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
11	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
12	TXFIM214	Toán Kinh tế	3	
13	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
14	TXFIM213	Nguyên lý thống kê	2	
15	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
16	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
17	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
C.1.2	Kiến thức cơ sở ngành		17	
18	TXFIM208	Quản trị học	3	
19	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
20	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
21	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
22	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
23	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
C.2	Khối kiến thức chuyên ngành		25	
<i>I</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		20	
24	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
25	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
26	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
27	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
28	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
29	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
30	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
31	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	

II	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)		5	
32	Tổ hợp 01			
32.1	<i>TXFIM0475</i>	<i>Quản trị theo mục tiêu</i>	2	
32.2	<i>TXFIM0471</i>	<i>Khởi sự kinh doanh</i>	3	
33	Tổ hợp 02			
33.1	<i>TXFIM4101</i>	<i>Quản trị thương mại trong DNCN</i>	2	
33.2	<i>TXFIM0472</i>	<i>Quản trị thương hiệu</i>	3	
34	Tổ hợp 03			
34.1	<i>TXFIM493</i>	<i>Văn hóa kinh doanh</i>	2	
34.2	<i>TXFIM494</i>	<i>Kỹ năng quản trị</i>	3	
35	Tổ hợp 04			
35.1	<i>TXFIM0473</i>	<i>Hệ thống sản xuất Lean</i>	2	
35.2	<i>TXFIM0484</i>	<i>Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng</i>	3	
III	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9	
36	<i>TXFIM4103</i>	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	3	
37	<i>TXFIM4104</i>	<i>Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)</i>	6	
37.1	<i>TXFIM4108</i>	<i>Cải tiến năng suất</i>	3	
37.2	<i>TXFIM4109</i>	<i>Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i>	3	

Tổng số tín chỉ CTĐT: 98 TC (Bắt buộc: 83 TC; Tự chọn: 09 TC; Bổ sung: 06 TC)

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	<i>TXBT001</i>	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bổ sung
2	<i>TXBT002</i>	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	<i>TXFIM204</i>	Kinh tế học vi mô	3	
4	<i>TXBAS0210</i>	Xác suất và thống kê	2	
5	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)		4	
5.1	<i>TXFIM0101</i>	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	2	
5.2	<i>TXFIM0102</i>	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN</i>	2	
5.3	<i>TXFIM0103</i>	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN</i>	2	
Tổng			15	

HỌC KỲ 2:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	<i>TXFIM208</i>	Quản trị học	3	
2	<i>TXFIM205</i>	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	<i>TXFIM214</i>	Toán kinh tế	3	
4	<i>TXFIM330</i>	Luật kinh doanh	2	
5	<i>TXFIM206</i>	Nguyên lý kế toán	3	
6	<i>TXFIM213</i>	Nguyên lý thống kê	2	
Tổng			16	

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
2	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
4	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
5	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
6	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
Tổng			16	

HỌC KỲ 4:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
2	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
3	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
4	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
Tổng			14	

HỌC KỲ 5:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
2	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
3	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
4	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
5	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
6	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
Tổng			13	

HỌC KỲ 6:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
2	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
3	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
4	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
5	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)			5
5.1	Tổ hợp 01			
5.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
5.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
5.2	Tổ hợp 02			
5.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
5.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
5.3	Tổ hợp 03			
5.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
5.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
5.4	Tổ hợp 04			
5.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
5.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống QL chất lượng	3	
Tổng			15	

HỌC KỲ 7:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.2.5. Chương trình đào tạo (Dành cho người có bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành đúng/ngành phù hợp)

- Khối lượng kiến thức cốt lõi: 73 TC
- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành đúng/ ngành phù hợp.

A. Chương trình đào tạo:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	Khối kiến thức bổ sung		6	
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		5	
<i>I</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		<i>3</i>	
3	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
<i>II</i>	<i>Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm -Kinh tế - Văn hóa - Xã hội - Môi trường)</i>		<i>2</i>	
4	TXFIM0101	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	
4.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
4.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	
4.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
C.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		34	
C.1.1	Kiến thức nhóm ngành		17	
5	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	
6	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
7	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
8	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
9	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
10	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
C.1.2	Kiến thức cơ sở ngành		17	
11	TXFIM208	Quản trị học	3	
12	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
13	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
14	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
15	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
16	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	

C.2	Khối kiến thức chuyên ngành	25	
I	Học phần bắt buộc	20	
17	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3
18	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2
19	TXFIM361	Quản lý dự án	4
20	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4
21	TXFIM0390	Định mức lao động	2
22	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3
23	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1
24	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1
II	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)	5	
25	Tổ hợp 01		
25.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2
25.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3
26	Tổ hợp 02		
26.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2
26.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3
27	Tổ hợp 03		
27.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2
27.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3
28	Tổ hợp 04		
28.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2
28.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3
III	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	9	
29	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3
30	TXFIM4104	Đồ án/Khoa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6
30.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3
30.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3
Tổng số tín chỉ CTĐT: 79 TC (Bắt buộc: 66 TC; Tự chọn: 07 TC; Bổ sung: 06 TC)			

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bổ sung
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	
4	TXFIM208	Quản trị học	3	
5	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
6	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 1 trong 3 học phần)		2	
6.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
6.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN	2	
6.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN	2	
Tổng			16	

HỌC KỲ 2:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
2	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
4	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
5	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
Tổng			15	

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
2	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
4	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
Tổng			15	

HỌC KỲ 4:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
2	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
3	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
4	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
5	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
Tổng			13	

HỌC KỲ 5:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
2	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
3	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
4	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)		5	
4.1	Tổ hợp 01			
4.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
4.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
4.2	Tổ hợp 02			
4.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
4.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
4.3	Tổ hợp 03			
4.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
4.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
4.4	Tổ hợp 04			
4.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
4.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống QL chất lượng	3	
Tổng			11	

HỌC KỲ 6:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.2.5. Chương trình đào tạo (Dành cho người có bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành xa)

- Khối lượng kiến thức cốt lõi: 103 TC
- Khối lượng kiến thức bổ sung: 06 TC
- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành xa.

A. Chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
A	Khối kiến thức bổ sung		6	
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
B	Khối kiến thức giáo dục đại cương		13	
<i>I</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		<i>9</i>	
3	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	
4	TXBAS0210	Xác suất và thống kê	2	
5	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
6	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2	
<i>II</i>	<i>Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm -Kinh tế - Văn hóa - Xã hội - Môi trường)</i>		<i>4</i>	
7	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)		4	
7.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
7.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	
7.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	
C	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
C.1	Khối kiến thức liên ngành, nhóm ngành và cơ sở ngành			
C.1.1	Kiến thức liên ngành tự chọn		5	
8	TXMEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	
9	TXELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	
C.1.2	Kiến thức cơ sở nhóm ngành		32	
10	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
11	TXFIM214	Toán Kinh tế	3	
12	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	
13	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
14	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
15	TXFIM206	Nguyên lý kế toán	3	
16	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
17	TXFIM213	Nguyên lý thống kê	2	
18	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
19	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	

20	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
21	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
C.1.3	Kiến thức cơ sở ngành		19	
22	TXFIM208	Quản trị học	3	
23	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
24	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
25	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
26	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
27	TXFIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2	
28	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
C.2	Khối kiến thức chuyên ngành		25	
I	Học phần bắt buộc		20	
29	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
30	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
31	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
32	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
33	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
34	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
35	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
36	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
II	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)		5	
37	Tổ hợp 01			
37.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
37.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
38	Tổ hợp 02			
38.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
38.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
39	Tổ hợp 03			
39.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
39.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
40	Tổ hợp 04			
40.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
40.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3	
III	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9	
41	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
42	TXFIM4104	Đề án/Khoa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
42.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
42.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng số tín chỉ CTĐT: 109 TC (Bắt buộc: 94 TC; Tự chọn: 09 TC; Bổ sung: 06 TC)				

B. Dự kiến phân kỳ học tập:

HỌC KỲ 1:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	Kiến thức bổ sung
2	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	
3	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	
4	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2	
5	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)	4		
5.1	TXFIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
5.2	TXFIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN	2	
5.3	TXFIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành KTCN	2	
Tổng			14	

HỌC KỲ 2:

1	TXFIM204	Kinh tế học vi mô	3	
2	TXFIM330	Luật kinh doanh	2	
3	TXFIM0210	Xác suất thống kê	2	
4	TXELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	
5	TXFIM214	Toán kinh tế	3	
Tổng			13	

HỌC KỲ 3:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM208	Quản trị học	3	
2	TXFIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	TXFIM206	Nguyên lý kê toán	3	
4	TXFIM331	Marketing căn bản	3	
5	TXMEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	
Tổng			14	

HỌC KỲ 4:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM213	Nguyên lý thống kê	2	
2	TXFIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	TXFIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
4	TXFIM0380	Đề án Kinh tế học	1	
5	TXFIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	
Tổng			12	

HỌC KỲ 5:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
2	TXFIM361	Quản lý dự án	4	
3	TXFIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
4	TXFIM0381	Thực tập cơ sở ngành QLCN	2	
Tổng			12	

HỌC KỲ 6:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
2	TXFIM367	Kinh tế công nghiệp	3	
3	TXFIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	
4	TXFIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	
5	TXFIM323	Đề án Quản lý dự án	1	
Tổng			14	

HỌC KỲ 7:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM451	Quản lý công nghệ	2	
2	TXFIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
3	TXFIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	
4	TXFIM364	Quản trị chất lượng	3	
5	TXFIM325	Kế toán quản trị 2	2	
Tổng			11	

HỌC KỲ 8:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
2	TXFIM0390	Định mức lao động	2	
3	Học phần tự chọn chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 tổ hợp HP)		5	
3.1	Tổ hợp 01			
3.1.1	TXFIM0475	Quản trị theo mục tiêu	2	
3.1.2	TXFIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
3.2	Tổ hợp 02			
3.2.1	TXFIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	2	
3.2.2	TXFIM0472	Quản trị thương hiệu	3	
3.3	Tổ hợp 03			
3.3.1	TXFIM493	Văn hóa kinh doanh	2	
3.3.2	TXFIM494	Kỹ năng quản trị	3	
3.4	Tổ hợp 04			
3.4.1	TXFIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	2	
3.4.2	TXFIM0484	Đánh giá hệ thống QL chất lượng	3	
Tổng			10	

HỌC KỲ 9:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	TXFIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	TXFIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 2 HP thay thế KLTN)	6	
2.1	TXFIM4108	Cải tiến năng suất	3	
2.2	TXFIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	
Tổng			9	

1.3. Yêu cầu về CDR: Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Ngoại ngữ theo các quy định hiện hành.

1.4. Yêu cầu về kiến thức lý luận chính trị: theo quy định hiện hành.

1.5. Hình thức đánh giá: hầu hết các học phần có hình thức đánh giá trắc nghiệm. Đối với các học phần đồ án/đề án/khóa luận, thực tập,... có hình thức đánh giá chấm bá cáo/cáo/thuyết minh/sản phẩm.

2. Sơ đồ tương quan các học phần trong chương trình đào tạo: (Phụ lục 1)

VIII. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Phát triển kỹ năng cá nhân

Học phần này, giúp sinh viên: Hiểu được điểm mạnh điểm yếu của bản thân, khắc phục những điểm yếu, phát huy điểm mạnh. Tự tin vào khả năng và giá trị của bản thân; Suy nghĩ tích cực; Xác định mục tiêu cụ thể để phấn đấu. Có khả năng giao tiếp tốt, biết cách tạo lập và duy trì các mối quan hệ tích cực trong cuộc sống. Biết cách giao tiếp và ứng xử trong môi trường làm việc. Biết cách nhận định, phân tích các vấn đề nảy sinh và biết tìm giải pháp giải quyết các vấn đề đó. Biết cách sử dụng thời gian và quản lý thời gian để làm việc hiệu quả. Hiểu được quy luật hoạt động của nhóm, biết cách làm việc nhóm, có tinh thần hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ trong các hoạt động nhóm.

2. Nhập môn Internet và Elearning

Nhập môn Internet và E-Learning dành cho sinh viên năm thứ nhất; nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về Internet, cách sử dụng dịch vụ Internet để phục vụ cho quá trình tự học, tự nghiên cứu trao đổi kiến thức theo hình thức giáo dục từ xa; Học phần giới thiệu kiến thức E-Learning, khái niệm, đặc điểm, cấu trúc hệ thống phương pháp quy trình học E-Learning.

3. Triết học Mác - Lenin

Học phần Triết học Mác - Lenin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế

giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

4. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

5. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

6. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

7. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

8. Xác suất và thống kê

Học phần xác suất thống kê là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

9. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2 và cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp đã học trong việc luyện tập và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện khả năng

luyện tập, thuyết trình các chủ đề, tình huống đã học.

10. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2.

11. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ B1.

12. Tin học trong Quản lý công nghiệp

Học phần Tin học trong Quản lý công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án, quản lý chuỗi cung ứng và quản lý sản xuất trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo hợp đồng kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

13. Pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương như khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của bản thân và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

14. Học phần tự chọn đại cương

14.1. Lịch sử các học thuyết kinh tế

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; Chủ nghĩa Trọng thương; Trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; Học thuyết kinh tế của Marx - Lenin; Học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; Học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; Học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

14.2. Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp

Học phần Định hướng nghề nghiệp chuyên ngành Quản lý công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc

làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại Trường.

14.3. Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp

Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại Trường.

15. Kỹ thuật cơ khí đại cương

Học phần Kỹ thuật cơ khí đại cương giới thiệu các kiến thức cơ bản về sản xuất cơ khí, vật liệu kỹ thuật, cơ cấu, hệ thống và nguyên lý truyền động trong cơ khí, các quá trình gia công cơ khí, cơ bản về kỹ thuật công nghệ và hoạt động của máy công cụ thông dụng, máy công cụ CNC.

16. Kỹ thuật điện đại cương

Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế.

17. Luật kinh doanh

Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

18. Toán kinh tế

Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

19. Kinh tế học vi mô

Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức gồm: Các quy luật kinh tế cơ bản; Lý thuyết cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

20. Kinh tế học vĩ mô

Học phần Kinh tế học vĩ mô nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, phát triển tư duy kinh tế, giúp người học làm quen với phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế, từ đó có cái nhìn năng động về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể trong quá trình vận hành nền kinh tế cũng như tham gia hoạt động kinh tế; hiểu được các chính sách và công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ trong thực tiễn cũng như tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách vĩ mô của chính phủ. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

21. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở ngành thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

22. Nguyên lý kế toán

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

23. Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động marketing trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá cơ hội marketing và các hoạt động marketing thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động marketing của doanh nghiệp.

24. Nguyên lý thống kê

Học phần nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh

tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

25. Thông kê doanh nghiệp

Học phần Thông kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế. Ngoài ra, môn học còn giúp cho người học biết và hiểu được về một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là những kiến thức căn bản trong doanh nghiệp mà một nhà quản lý cần nắm được để làm nền tảng cho việc đưa ra các quyết định quản lý giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

26. Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, huy động vốn và chi phí vốn của doanh nghiệp, quản lý tài sản của doanh nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

27. Phân tích hoạt động kinh doanh

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

28. Đề án Kinh tế học

Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung,

cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này cung cấp kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

29. Quản trị học

Quản trị học là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm những nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; Nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị, 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp, đồng thời đóng góp vai trò cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần quản trị lĩnh vực trong khối kiến thức chuyên ngành.

30. Kế toán quản trị 2

Kế toán quản trị 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu, biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

31. Giao tiếp kinh doanh

Giao tiếp kinh doanh là học phần cơ sở ngành Quản lý công nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp kinh doanh (các hình thức và phương tiện giao tiếp) và các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh, cách ứng xử với các đối tượng giao tiếp khác nhau ở nơi làm việc. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, trong kinh doanh để có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường thực tế sau khi tốt nghiệp.

32. Quản trị chiến lược

Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: khái quát về chiến lược, quá trình phát triển và mô hình quản trị chiến lược; phân tích môi trường vĩ mô và vi mô để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược thích hợp cho từng cấp chiến lược của doanh nghiệp (cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng); thực thi và điều chỉnh chiến lược. Học phần quản trị chiến lược trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy về xây dựng chiến lược và những cơ sở khoa học giúp sinh viên tìm kiếm các giải pháp giúp tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân đạt được mục tiêu mong muôn.

33. Kinh tế công nghiệp

Học phần Kinh tế công nghiệp thuộc học phần chuyên ngành quản lý công nghiệp, học phần

nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp Việt Nam nói riêng và sự quản lý ở tầm vĩ mô của Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Ngoài ra học phần sẽ giúp sinh viên hiểu biết hơn về vấn đề kinh tế xã hội cũng như được trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng để hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

34. Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp

Thực tập cơ sở chuyên ngành Quản lý Công nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

35. Quản trị nguồn nhân lực

Học phần Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc nằm trong khái kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn lực con người trong tổ chức nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

36. Định mức lao động

Học phần Định mức lao động là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Phân công và hiệp tác lao động, Tổ chức và phục vụ nơi làm việc và Định mức lao động. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm bắt được các công cụ và phương pháp xây dựng định mức lao động cho mỗi công việc và tổ chức khoa học các hoạt động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

37. Quản lý công nghệ

Học phần Quản lý công nghệ là học phần bắt buộc nằm trong khái kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản lý công nghệ như: đánh giá công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ; đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ của tổ chức.

38. Quản trị chất lượng (QTCL)

QTCL là học phần bắt buộc thuộc khái kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm

ba nội dung chính: những vấn đề chung về QTCL (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp QTCL); một số hệ thống QTCL đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

39. Quản lý dự án

Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát về dự án và đặc điểm, vai trò của dự án; lựa chọn dự án và quản lý danh mục dự án của doanh nghiệp; lập các kế hoạch dự án (phạm vi, tiến độ, tài chính, ...); thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn một cách toàn diện về dự án – công cụ triển khai chiến lược kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế hiện nay đồng thời trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể hòa nhập với phương thức làm việc này sau khi ra Trường.

40. Quản lý sản xuất công nghiệp

Quản lý sản xuất công nghiệp là học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm những nội dung chính: Dự báo nhu cầu, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống, cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp, xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác và cung cấp các công cụ, phương pháp điều độ sản xuất, kiểm soát hệ thống sản xuất.... Học phần sẽ giúp cho sinh viên nắm được phương pháp tổ chức và điều hành sản xuất trong doanh nghiệp.

41. Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để xác định mô hình chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, ngành và phân tích các hoạt động quản lý chuỗi cung ứng thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động của chuỗi cung ứng.

42. Đề án Quản lý sản xuất công nghiệp

Đề án quản lý sản xuất công nghiệp là học phần chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, đặc trưng sản phẩm và lựa chọn công nghệ, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý sản xuất công nghiệp và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong hoạch định tổng hợp, hoạch định nguyên vật liệu, điều độ sản xuất ...

43. Đề án Quản lý dự án

Đề án Quản lý dự án (DA) là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung về: phân tích môi trường để đánh giá và lựa chọn DA; phân tách các

công việc của DA và lập kế hoạch tiến độ, tài chính trên cơ sở phân tách đó. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý DA của sinh viên và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong lập kế hoạch cho một DA cũng như tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý DA.

44. Học phần tự chọn chuyên ngành

44.1. Tổ hợp 1

44.1.1. Quản trị theo mục tiêu

Học phần Quản trị theo mục tiêu là học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về bản chất và sự phát triển của lý thuyết về quản trị theo mục tiêu và những phương pháp quản trị theo mục tiêu phổ biến như KPIs, BSC, OKRs. Học phần này sẽ giúp sinh viên xây dựng thái độ đúng đắn trong quản trị bản thân cũng như cập nhật những phương pháp quản trị tiên tiến đang được triển khai trong các doanh nghiệp hiện nay.

44.1.2. Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho sinh viên những lí thuyết cơ bản về nghề kinh doanh và những kỹ năng cơ bản để trở thành một người chủ doanh nghiệp “thành đạt” trên nền kinh tế thị trường. Những yếu tố cần thiết để hình thành một ý tưởng kinh doanh tốt, khả thi có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp, hướng dẫn cách để có thể soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Khi đã hình thành được một bản kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải triển khai kế hoạch kinh doanh đó, sinh viên sẽ nắm được những cách thức để có thể triển khai hoạt động kinh doanh từ những bước căn bản nhất đến khi thực hiện được đúng với bản kế hoạch kinh doanh đã vạch ra từ trước.

44.2. Tổ hợp 2

44.2.1. Quản trị thương mại trong DNCN

Quản trị thương mại trong doanh nghiệp công nghiệp là một trong những học phần tự chọn ngành quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: hoạch định và thực thi chương trình thương mại của doanh nghiệp công nghiệp; hành vi ứng xử của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm góp phần đạt được hệ thống các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp sinh viên bổ sung kiến thức về hoạt động thương mại, từ đó dễ dàng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau sau khi tốt nghiệp.

44.2.2. Quản trị thương hiệu

Học phần Quản trị thương hiệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá về cấu trúc của thương hiệu, quá trình xây dựng và quảng bá và phát triển thương hiệu trong thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội, của môi trường ngành tới hoạt động quản trị thương hiệu của doanh nghiệp.

44.3. Tổ hợp 3

44.3.1. Văn hóa kinh doanh

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa trong kinh doanh, cụ thể về Triết lý kinh

doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân và văn hóa doanh nghiệp. Người học nắm được vai trò và cách vận dụng các nội dung đó trong các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp.

44.3.2. Kỹ năng quản trị

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Kỹ năng quản trị doanh nghiệp theo ba phần nội dung chính: Phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề về kỹ năng cá nhân như kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản trị stress, kỹ năng tư duy sáng tạo và xây dựng thương hiệu cá nhân. Phần thứ hai giới thiệu các kỹ năng quan hệ con người như kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng đàm phán, kỹ năng trao quyền và ủy quyền. Phần thứ ba giới thiệu một số kỹ năng chuyên biệt trong quản trị điều hành như kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và phân tích tài chính.

44.4. Tổ hợp 4

44.4.1. Hệ thống sản xuất Lean

Học phần Hệ thống sản xuất Lean (Lean Manufacturing) là học phần tự chọn cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp. Học phần giới thiệu tổng quan Lean Manufacturing, các công cụ và phương pháp cơ bản của Lean Manufacturing và các cách tiếp cận trong triển khai Lean Manufacturing.

44.4.2. Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng

Học phần Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng là học phần tự chọn cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan chung về đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, quản lý chương trình đánh giá và thực hiện đánh giá hệ thống quản lý, cũng như hướng dẫn về việc đánh giá năng lực của các cá nhân tham gia vào quá trình đánh giá.

45. Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực tế chuyên môn dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Dựa trên cơ sở kiến thức và chuyên môn đã học, học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội đánh giá thực tế áp dụng các lý thuyết đã học tại các cơ sở thực tập. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về; Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

46. Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Sinh viên hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp về: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị nghiên cứu và thực trạng hoạt động nghiên cứu (số liệu được phân tích, đánh giá của đơn vị nghiên cứu 03 năm gần nhất); đề xuất một số giải pháp cụ thể giúp đơn vị nghiên cứu khắc phục được những tồn tại. Học phần này giúp sinh viên

rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong tổ chức trong môi liên hệ với các yếu tố môi trường ngành, môi trường vĩ mô, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của tổ chức, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của tổ chức.

47. Cải tiến năng suất

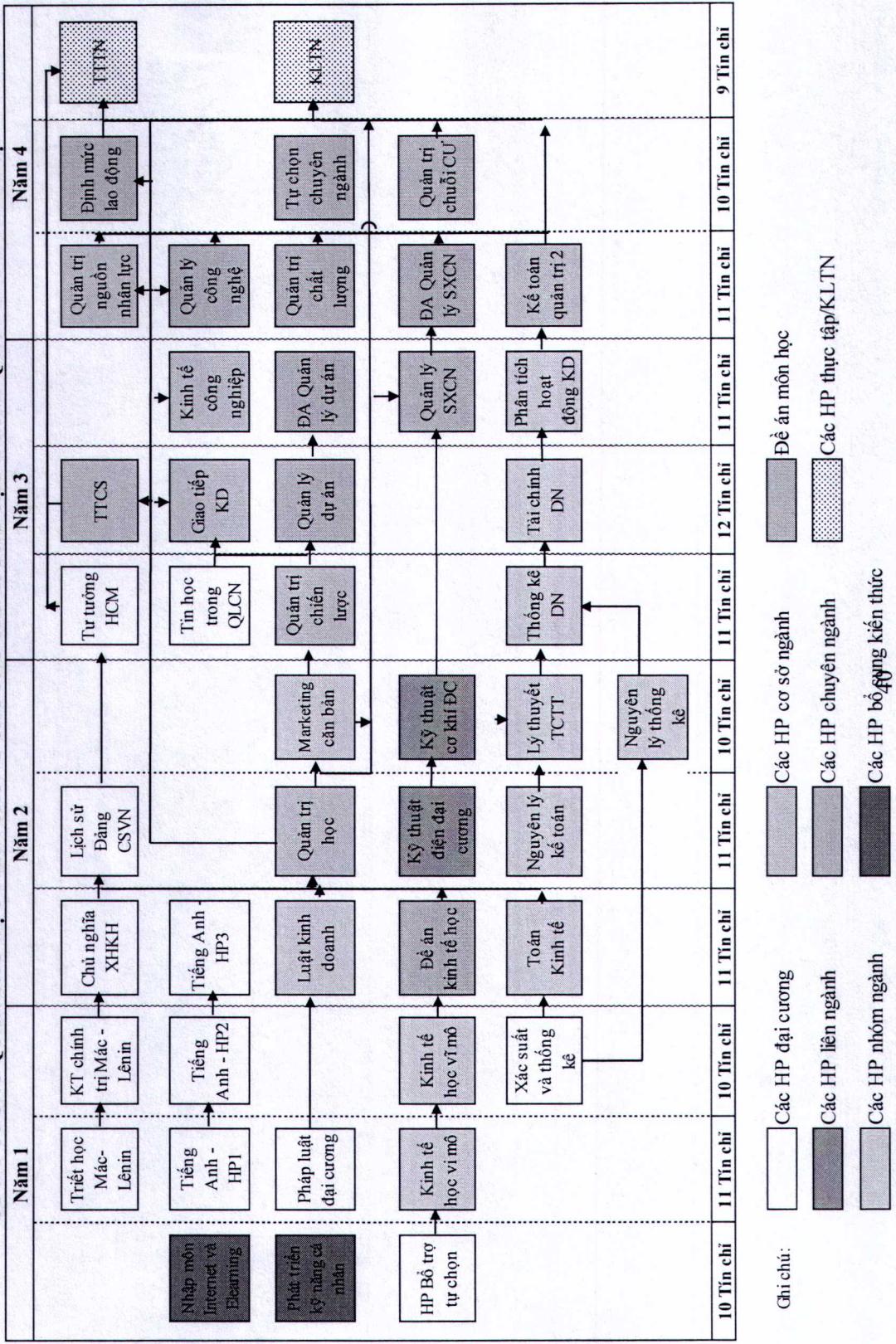
Học phần Cải tiến năng suất là một trong hai học phần thay Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cải tiến năng suất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình cải tiến, những phương pháp và công cụ cải tiến năng suất. Học phần cũng cho sinh viên tiếp cận và giải quyết các tình huống giả định về cải tiến năng suất trong doanh nghiệp công nghiệp.

48. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp là một trong hai học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Quản lý công nghiệp. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo thành công. Sinh viên được hình thành và phát triển tư duy sáng tạo, tư duy thiết kế, tư duy kinh doanh. Đặc biệt sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như: Khởi nghiệp tinh gọn; Mô hình Canvas, kỹ năng xây dựng mạng lưới, kỹ năng thuyết trình gọi vốn. Ngoài ra, thông qua hoạt động nhóm, sinh viên sẽ được trải nghiệm các bước của quá trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như tìm ý tưởng, thiết lập nhóm, xây dựng dự án kinh doanh và gọi vốn thành công.

Phụ lục 1:

SƠ ĐỒ TƯƠNG QUAN CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH BÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP



TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Đối tượng								
		THPT	Đại học		Cao đẳng			Trung cấp		
			G	X	Đ/PH	G	X	Đ/PH	G	X
1	Thời gian đào tạo (năm)	4	2	2,5	1,5	2,5	2,5	2	2,5	3
2	Tổng số tín chỉ	121	61	85	61	85	92	73	92	103
3	Chương trình đào tạo (trang)	5	10	13	10	13	17	21	17	24
4	Kế hoạch đào tạo (trang)	8	12	15	12	15	19	22	19	25
5	Tổng số kỳ học	12	5	7	5	7	7	6	7	9
6	Tất cả các đối tượng đều phải học trước 02 học phần bổ sung (TXBT001, TXBT002)									

Ghi chú: Đ/PH – ngành đúng/phù hợp; G – ngành gần; X – ngành xa.

